TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 473/2019/HC-PT
Ngày: 18 - 7 - 2019
V/v khiếu kiện: Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 751/2018/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2018 về khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1222/2018/HC- ST ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1176/2019/QĐ- PT ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: 75 đường Nguyễn Thị N, Phường 2, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1. Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội T (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 159 đường P, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Giám đốc Sở Lao động

Thương binh và Xã hội T: Ông Nguyễn Tất N1- Trưởng phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội.

2. Giám đốc Bảo hiểm xã hội T.

Địa chỉ : 117C đường N2, Phường 15, quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: *Ông Nguyễn Quốc T1- Phó giám đốc* (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/7/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội T.

Địa chỉ : 117C đường N2, Phường 15, quận P1, Thanh phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: *Ông Nguyễn Quốc T1- Phó giám đốc* (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/7/2019).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn L là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 08/8, 06/9, 11/9 năm 2017 và đơn sửa chữa, bổ sung ngày 12/01/2018 cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, ông Nguyễn Văn L trình bày:

Tháng 05/1973 đến tháng 12/1975, ông L tham gia Cách mạng liên tục tại đơn bị B3 chiến khu R Trung ương cục Miền Nam Việt Nam.

Tháng 01/1976 đến tháng 06/1977, ông L làm việc tại cơ quan thiết bị trường học tổng phát hành sách giáo khoa miền Nam trực thuộc cơ quan Bộ giáo dục Thủ đô Hà Nội.

Tháng 07/1977 đến tháng 11/1981, ông L làm việc tại trường bổ túc văn hóa công nông miền Nam.

Tháng 12/1981 đến tháng 06/1982, ông L làm việc tại cơ quan Sở văn hóa, công ty in và Xí nghiệp in số 1 TP.HCM.

Tháng 07/1982 đến tháng 11/1986, ông L làm việc tại Sở lao động, Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Bộ Lao động Thủ đô Hà Nội và cơ quan Đại sứ quán Tiệp Khắc ký hồ sơ tiếp nhận quản lý ông L có đào tạo bậc nghề gỗ giấy.

Tháng 01/1987 đến tháng 04/2001, ông L làm tại Xí nghiệp in số 1, Xí nghiệp in Việt Tân; Xí nghiệp in N3 cũ và Xí nghiệp in N3 mới trực thuộc cơ quan Ban Tài chính quản trị Thành ủy T tiếp nhận hồ sơ quản lý ông theo hệ thống có việc làm, chi trả lương bậc 6/6.

Tính đến tháng 04/2001, ông L đã làm việc tổng cộng 28 năm 01 tháng.

Ngày 10/4/2001, Xí nghiệp in N3 ký Quyết định số 27/QĐ-NH cho ông nghỉ việc là sai pháp luật, trái thẩm quyền.

Ngày 25/9/2001, Xí nghiệp ký Quyết định số 41 QĐ/NH thu hồi Quyết định số 27/QĐ-NH.

Ngày 21/10/2001, Xí nghiệp in N3 ký Quyết định số 42/QĐ-NH cho ông nghỉ việc lần 2.

Ngày 07/3/2003, Xí nghiệp ký Quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội số 190/QĐ-NH.

Ngày 09/4/2003, Xí nghiệp in N3 giải thể và ngày 06/5/2003, Xí nghiệp nộp hồ sơ của ông tại cơ quan Bảo hiểm xã hội T. (Ngày 14/4/2004, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 TP.HCM ký Thông báo số 128/KS- THA mong ông chờ giải quyết thi hành án và ông bị ngừng hết mọi quyền lợi, chế độ).

Ngày 08/5/2003, Bảo hiểm xã hội T ký Giấy chứng nhận chờ hưởng chế độ hưu trí số 94/QĐ. Ông không được bố trí công việc, không được chi trả lương, không giải quyết chế độ và BHXH T không cho ông gặp lãnh đạo.

Ngày 22/9/2006, ông có đơn xin giám định y khoa và lãnh đạo BHXH ký giấy giới thiệu.

Ngày 26/10/2006, cơ quan Giám định y khoa Thành phố ký Biên bản giám định khả năng lao động số 2203-06/GĐYK-KNLĐ cho ông mất sức lao động 68%**.**

Ngày 09/11/2006, ông nhận được Quyết định số 6160/QĐ/BHXH-CĐCS ngày 09/11/2006 của Giám đốc BHXH T "V/v hưởng chế độ hưu trí hàng tháng" có hiệu lực từ ngày 01/10/2006 là 868.611 đồng/tháng với thời gian làm việc có đóng BHXH là 28 năm 03 tháng.

Tại sao ông đang chờ thi hành án Bản án số 02/LĐ-ST ngày 09/8/2001 của Tòa án nhân dân Quận 10 mà BHXH Tlại nhận hồ sơ và chi trả tiền. Ông không đồng ý vấn đề này.

Ông L khiếu nại Quyết định số 6160/QĐ/BHXH-CĐCS ngày 09/11/2006 của Giám đốc BHXH T nhưng bị Giám đốc BHXH T bác khiếu nại theo Quyết định số 93/QĐ-BHXH ngày 19/4/2017 "về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn L (Lần đầu)".

Ông L tiếp tục khiếu nại và Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 19315/QĐ-SLĐTBXH-TTS ngày 25/7/2017 "về việc giải quyết khiếu nại của ông NguyễnVăn L (Lần 2)" bác khiếu nại của ông L.

Ông L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc Giám đốc BHXH T chi trả tiền lương, tiền công hàng tháng đối với ông L trong thời gian từ ngày 8/5/2003 đến ngày 26/10/2006 là 41 tháng 03 ngày với tổng số tiền ước tính là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và đóng BHXH theo pháp luật.

- Buộc Giám đốc Bảo hiểm xã hội T phải ban hành Quyết đinh nghỉ hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động 68% ghi ngày 26/10/2016 đúng với số năm ông Nguyễn Văn L tham gia công việc liên tục là 33 năm 05 tháng + tiền

lương hàng tháng giao kết hợp đồng lao động là 491.400 đồng + phụ cấp nghề gỗ giấy bậc 6/6 + vượt khung năm 1984 đến năm 2006 hệ sô ước tính là 5,2.

- Hủy Quyết định số 19315/QĐ-SLĐTBXH-TTS ngày 25/7/2017 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội T vì trái pháp luật.

Người bị kiện Giám đốc Bảo hiểm xã hội T vắng mặt, Tòa án công bố lời khai, tài liệu chứng cứ của người bị kiện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là bà Trương Thanh P2 đại diện trình bày:

Việc buộc BHXH T chi trả tiền lương, tiền công hàng tháng cho công việc làm đối với cá nhân ông L trong thời gian từ ngày 8/5/2003 đến ngày 26/10/2006 là 41 tháng 03 ngày với tổng số tiền ước tính là 150.000.000 đồng và đóng BHXH theo pháp luật không thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Bảo hiểm xã hội T, vì cơ quan BHXH T và ông L không có bất cứ quan hệ lao động nào trong thời gian này.

Căn cứ phiếu giao nhận nộp hồ sơ số 31/TNHS/TP (chờ) ngày 6/5/2003 giải quyết chế độ BHXH của đơn vị Xí nghiệp in N3, địa chỉ 155 đường T2, Quận 10; đơn vị Xí nghiệp in N3 có nộp hồ sơ cho 1 người lao động là ông Nguyễn Văn L; hồ sơ được thể hiện trên phiếu giao nhận gồm có: loại trợ cấp là Hưu chờ, danh mục hồ sơ: Quyết định nghỉ, Đơn xin hưởng, sổ BHXH + Tờ khai cấp sổ BHXH, Quyết định lương, Bản khai quá trình tham gia BHXH; người giao là ông Nguyễn Văn R.

Căn cứ hồ sơ hưu chờ, do ông L sinh tháng 11/1954 tại thời điểm nghỉ việc tháng 10/2001 ông L chưa đủ tuổi đời để hưởng chế độ hưu trí hàng tháng; để đủ điều kiện hưởng hưu trí thì đến tháng 11/2014 ông mới đủ 60 tuổi, vì vậy tại thời điểm tháng 5/2003 đơn vị nộp hồ sơ hưu chờ cho ông với cơ quan BHXH là đúng theo quy định. Bảo hiểm xã hội T đã tiếp nhận hồ sơ và ban hành Giấy chứng nhận chờ hưởng chế độ hưu trí hàng tháng số 94/QĐ ngày 08/5/2003.

Căn cứ vào đề nghị của ông L, những chứng từ và các quy định, BHXH T đã giải quyết chế độ hưu trí cho ông L theo đúng quy định hiện hành; do đó không có cơ sở để yêu cầu Giám đốc Bảo hiểm xã hội T "phải có Quyết định nghỉ việc căn cứ Biên bản giám định khả năng lao động số 2203-06/GĐYK-KNLĐ của Hội đồng giám định y khoa T ký mất sức lao động của ông L là 68% ghi ngày 26/10/2006 đúng với số năm ông Nguyễn Văn L tham gia công việc liên tục từ tháng 5/1973 đến ngày 26/10/2006 là 33 năm 5 tháng và công nhận bậc nghề gỗ giấy năm 1986 là 6/6 đến năm 2006 chưa tăng lương và năm 1999 hưởng lương thực tế, công việc có hợp đồng lao động là 491.000 đồng/tháng"

- Việc ra quyết định nghỉ việc cho ông L không thuộc thẩm quyền của Giám đốc Bảo hiểm xã hội T.

Tại thời điểm nộp hồ sơ hưu chờ tháng 5/2003 và tại thời điểm xin ra Hội đồng giám định y khoa tháng 10/2006 bản thân ông L có đầy đủ sức khỏe, nhận thức, ý thức, năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký tên vào Đơn xin

nghỉ hưu chờ và Đơn xin giám định khả năng lao động vì vậy không thể nói ông không biết và không tự nguyện xin chờ hưu và xin đi giám định y khoa để giải quyết hưu trí.

Do đó, người bị kiện đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Người bị kiện Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội T vắng mặt, Tòa án công bố lời khai của người bị kiện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Nguyễn Tất N1 đại diện trình bày:

Căn cứ thông tin, tài liệu, bằng chứng thu thập được trong quá trình giải quyết khiếu nại:

- Các mức lương đã tham gia BHXH trước tháng 11/1996 của ông L bao gồm cả bậc lương nghề gỗ giấy 6/6 khi ông Ltham gia lao động hợp tác ở Tiệp Khắc không thể sử dụng để tính mức chi trả lương hưu theo yêu cầu của ông L.

- Theo Bản xác nhận quá trình tham gia BHXH ngày 31/12/2002 của Xí nghiệp in N3 thi ông L yêu cầu BHXH T tính lương hưu cho ông theo lương bậc 6/6 nghề gỗ giấy (mà ông hưởng trong khoảng thời gian đi hợp tác lao động ở Tiệp Khắc năm 1986) và lương thực tế ông hưởng phó phòng năm 1999 là 491.400đồng/tháng là không có cơ sở, không đúng theo khoản 1, Điều 29 Điều lệ BHXH ban hành kèm Nghị định 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ về việc ban hành điều lệ bảo hiểm xã hội.

Việc ông L yêu cầu BHXH T tính lại thời gian tham gia BHXH của ông là 33 năm 5 tháng tính từ tháng 05/1973 đến tháng 10/2006 là không có cơ sở, không đúng theo quy định tại Điều 25, 26 Điều lệ BHXH ban hành kèm Nghị định 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ về việc ban hành điều lệ bảo hiểm xã hội và khoản 1 Mục IV Phần B Thông tư số 06/TT-LĐTBXH ngày 04/4/1995 của Bộ lao động-Thương binh và xã hội. Thời gian từ sau tháng 10/2001 (sau khi chấm dứt hợp đồng lao động với Xí nghiệp in N3) đến tháng 10/2006 (thời điểm có kết luận của Hội đồng giám định y khoa), ông L không có làm việc và không đóng BHXH cho nên không có cơ sở cộng vào thời gian để tính hưởng chế độ theo yêu cầu của ông L.

Việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội đối với ông Nguyễn Văn L đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật về khiếu nại và pháp luật về bảo hiểm xã hội. Do đó, việc Sở Lao động Thương binh và Xã hội công nhận và giữ nguyên Quyết định số 93/QĐ-BHXH ngày 19/4/2017 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội T giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Văn L là đúng quy định.

Do đó, người bị kiện đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội T có bà Trương Thanh P2 đại diện trình bày:

Thống nhất ý kiến với Giám đốc bảo hiểm xã hội T, Bảo hiểm xã hội T đã giải quyết vấn đề của ông L theo đúng quy định của pháp luật. Bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Tại Bản án hành chính số 1222/2018/HC-ST ngày 05 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc:

- Buộc Giám đốc BHXH T chi trả tiền lương, tiền công hàng tháng đối với ông L trong thời gian từ ngày 8/5/2003 đến ngày 26/10/2006 là 41 tháng 03 ngày với tổng số tiền ước tính là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và đóng BHXH theo pháp luật.

- Buộc Giám đốc Bảo hiểm xã hội T phải ban hành Quyết định nghỉ hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động 68% ghi ngày 26/10/2016 đúng với số năm ông Nguyễn Văn L tham gia công việc liên tục là 33 năm 05 tháng + tiền lương hàng tháng giao kết hợp đồng lao động là 491.400 đồng + phụ cấp nghề gỗ giấy bậc 6/6 + vượt khung năm 1984 đến năm 2006 hệ số ước tính là 5,2.

- Hủy Quyết định số 19315/QĐ-SLĐTBXH-TTS ngày 25/7/2017 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/9/2018, ông L kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa án theo hướng BHXH T chi trả tiền bồi thường 41 tháng lương, ước tính 150 triệu, Giám đốc Bảo hiểm xã hội T phải ban hành Quyết đinh nghỉ hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động 68% ghi ngày 26/10/2016 đúng với số năm ông Nguyễn Văn L tham gia công việc liên tục là 33 năm 05 tháng + tiền lương hàng tháng giao kết hợp đồng lao động là 491.400 đồng + phụ cấp nghề gỗ giấy bậc 6/6 + vượt khung năm 1984 đến năm 2006 hệ sô ước tính là 5,2, điều chỉnh quyết định số 6160 nghỉ hưu trí và hủy bỏ Quyết định số 19315/QĐ-SLĐTBXH-TTS ngày 25/7/2017 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Giám đốc Sở Lao động Thương binh và xã hội T trình bày: Việc xem xét và giải quyết khiếu nại của ông L là có cơ sở pháp lý. Căn cứ Nghị định 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ về việc ban hành điều lệ bảo hiểm xã hội và khoản 1 Mục IV Phần B Thông tư số 06/TT-LĐTBXH ngày 04/4/1995 của Bộ lao động-Thương binh và xã hội, thời gian làm việc của ông L từ tháng 5/1973 đến tháng 10/2001 là 28 năm 03 tháng. Tháng 11/2001 đến tháng 10/2006, ông L không đóng BHXH, không làm việc nên không được quyền hưởng các chế độ về BHXH theo qui

định. Yêu cầu xác định thời gian công tác liên tục của ông L là 33 năm 05 tháng là không có cơ sở.

"Người lao động đóng BHXH theo các mức tiền lương tháng trong các hệ thống thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định thì tính bình quân gia quyền các mức tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH trong năm năm cuối trước khi nghỉ hưu". Thời gian 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu có đóng BHXH của ông Lđược tính từ tháng 11/1996 - 10/2001 được căn cứ vào Bản xác nhận quá trình tham gia BHXH ngày 31/12/2002 của Xí nghiệp in N3 đã được BHXH Thành phố ghi nhận.

Quyết định số 19315/QĐ-SLĐTBXH-TTS ngày 25/7/2017 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội T giải quyết khiếu nại lần hai bác khiếu nại của ông L là có căn cứ. Đề nghị y án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của ông Nguyễn Văn L :* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm: Ông L thoát ly tham gia cách mạng từ tháng 5/1973, sau ngày 30/4/1975 ông L tiếp tục công tác tại cơ quan, doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước đến tháng 10/2001 là Công nhân phân xưởng Xí nghiệp in N3. Ông L thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với Xí nghiệp in N3. Xí nghiệp ban hành Quyết định số 42/QĐ-NH ngày 21/10/2001 chấm dứt hợp đồng lao động với ông L, các chế độ chính sách với ông L đã được giải quyết, ông L cũng đã nhận xong các khoản lương, trợ cấp... và cũng không khởi kiện Xí nghiệp in N3 tại Tòa án đối với Quyết định 42/QĐ-NH ngày 21/10/2001. Việc chấm dứt hợp đồng đúng pháp luật.

Năm 2002, ông L nộp đơn "Đơn xin nghỉ chờ hưu" ghi ngày 26/01/2002 xác định thôi việc theo Quyết định số 42/QĐ-NH ngày 21/10/2001 của Xí nghiệp in N3, đề nghị BHXH cho được "làm thủ tục chờ hưu theo Điều 28 Nghị định 12/CP ngày 26/1/1994". Ngày 07/3/2003 Xí nghiệp in N3 ban hành Quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội số 190/QĐ-NH đối với ông L. Xí nghiệp in N3 đã nộp hồ sơ xin nghỉ chờ hưu của ông L cho BHXH T theo Phiếu giao nhận nộp hồ sơ số 31/TNHS/TP ngày 06/5/2003.

BHXH T đã cấp Giấy chứng nhận chờ hưởng chế độ hưu trí số 94/QĐ ngày 08/5/2003, ông Nguyễn Văn L sẽ được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng từ ngày 01/11/2014 (thời điểm ông Nguyễn Văn L đủ 60 tuổi) với thời gian làm việc có đóng BHXH từ tháng 5/1973 đến tháng 10/2001 là 28 năm 3 tháng.

Ngày 15/7/2005, ông Nguyễn Văn L có đơn xin giám định khả năng lao động gửi BHXH Thành phố, kết luận tỷ lệ mất sức lao động của ông L là 68% . Từ tháng 10/2001 đến tháng 10/2006, ông Nguyễn Văn L không có làm việc và không có đóng BHXH cho nên không được hưởng chế độ BHXH.

Theo Bản xác nhận quá trình tham gia BHXH ngày 31/12/2002 của Xí nghiệp in N3 được BHXH T xét duyệt ngày 09/11/2006 đã xác định: Quá trình lương trong khối nhà nước bình quân 55 tháng là 655.838 đồng, chế độ được hưởng: Thời gian đóng BHXH tính đến năm 2001 bằng 28 năm 3 tháng; Mức tiền lương bình quân để tính hưởng BHXH: 656.929 đồng; Tỉ lệ phần % để tính lương hưu hoặc trợ cấp BHXH hàng tháng là 64%. Tổng lương hưu hàng tháng là 868.611 đồng là đúng pháp luật.

Quyết định số 6160/QĐ/BHXH-CĐCS ban hành đúng quy định pháp luật. Quyết định số 19315/QĐ-SLĐTBXH-TTS ngày 25/7/2017 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội T bác đơn khiếu nại của ông L là có căn cứ. Ông L là người cao tuổi nên được miễn án phí. Kháng cáo của ông L không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện*:

Ông Lkhởi kiện yêu cầu Giám đốc BHXH T chi trả 150.000.000 đồng và đóng BHXH, ra quyết định nghỉ hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động 68% ghi ngày 26/10/2006, yêu cầu buộc Giám đốc BHXH T ra quyết định điều chỉnh Quyết định 6160/QĐ/BHXH-CĐCS ngày 09/11/2006 căn cứ quyết định nghỉ hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động 68% ghi ngày 26/10/2006 và hủy Quyết định số 19315/QĐ- SLĐTBXH-TTS ngày 25/7/2017, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Toà án nhân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông L:

[2.1] *Quyết định số 6160/QĐ/BHXH-CĐCS "về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng của ông Nguyễn Văn L"*

[2.1.1] Về hình thức, trình tự, thủ tục, thẩm quyền: Quyết định số 6160/QĐ/BHXH-CĐCS là Quyết định của Giám đốc BHXH T được ban hành đúng qui định tại Điều lệ Bảo hiểm xã hội được ban hành kèm theo Nghị định 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ "về việc ban hành điều lệ bảo hiểm xã

hội".

[2.1.2] Về nội dung:

[2.1.2.1] *Về thời gian tính BHXH:*

Thời gian từ tháng 5/1973 đến tháng 10/2001: Ông L thoát ly tham gia cách mạng từ tháng 5/1973, sau ngày 30/4/1975 ông L tiếp tục công tác tại cơ quan, doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước đến tháng 10/2001 là Công nhân phân xưởng Xí nghiệp in N3.

Ngày 10/4/2001 Xí nghiệp in N3 ban hành Quyết định số 27/QĐ- NH cho ông L thôi việc, ông L đã khởi kiện Xí nghiệp về việc cho thôi việc trái pháp luật tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu khởi kiện của ông L đã được Tòa án chấp nhận tại Bản án lao động sơ thẩm số 02/LĐ-ST ngày 09/8/2001. Sau khi Tòa án xét xử phía Xí nghiệp đã thu hồi Quyết định số 27/QĐ-NH và ký lại hợp đồng lao động ngày 25/9/2001 với ông L. Bản án lao động sơ thẩm số 02/LĐ-ST ngày 09/8/2001 đã được Xí nghiệp in N3 thi hành.

Căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 20/10/2001 về thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động giữa Xí nghiệp in N3 với ông L, Xí nghiệp ban hành Quyết định số 42/QĐ-NH ngày 21/10/2001 chấm dứt hợp đồng lao động với ông L, các chế độ chính sách với ông L đã được giải quyết, ông L cũng đã nhận xong các khoản lương, trợ cấp... và cũng không khởi kiện Xí nghiệp in N3 tại Tòa án đối với Quyết định 42/QĐ-NH ngày 21/10/2001. Việc chấm dứt hợp đồng lao động của ông L là tự nguyện.

Công văn số 28-CV/ĐU ngày 31/10/2002 của Đảng ủy Ban Tài chính Quản trị Thành ủy về việc trả lời đơn khiếu kiện của ông Nguyễn Văn L. Đảng ủy Ban Tài chính Quản trị Thành ủy thống nhất với kết luận của Lãnh đạo cơ quan Ban Tài chính Quản trị tại văn bản số 207-CV/TCQT-TC ngày 13/6/2002 với các nội dung như sau: Căn cứ Luật lao động và các quy định hiện hành, cách giải quyết, xử lý của Xí nghiệp in N3 khi chấm dứt hợp đồng lao động, giải quyết chính sách và trợ cấp, trả lời và quyết định giải quyết thư khiếu nại của ông Nguyễn Văn L là đúng theo quy định. Như vậy, việc ông L cho rằng ông bị thôi việc trái pháp luật, vẫn thuộc nhân sự của Thành ủy H, phải tiếp tục bố trí việc làm sau ngày 21/10/2001 là không có căn cứ.

Từ tháng 5/1973 đến tháng 10/2001: Ông L có ba tháng không đóng BHXH gồm các tháng 6,7,8/2000.

Năm 2002, ông L nộp đơn "Đơn xin nghỉ chờ hưu" ghi ngày 26/01/2002 xác định thôi việc theo Quyết định số 42/QĐ-NH ngày 21/10/2001 của Xí nghiệp in N3, đề nghị BHXH cho được "làm thủ tục chờ hưu theo Điều 28 Nghị định 12/CP ngày 26/1/1994"

Ngày 07/3/2003 Xí nghiệp in N3 ban hành Quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội số 190/QĐ-NH đối với ông L. Xí nghiệp in N3 đã nộp hồ sơ xin nghỉ chờ hưu của ông L cho BHXH T theo Phiếu giao nhận nộp

hồ sơ số 31/TNHS/TP ngày 06/5/2003.

Theo quy định tại khoản 4, Phần A, Mục III Quyết định 1584/1999/QĐ-BHXH ngày 24/6/1999 về việc ban hành quy định về hồ sơ và quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH của BHXH Việt Nam, BHXH T đã cấp Giấy chứng nhận chờ hưởng chế độ hưu trí số 94/QĐ ngày 08/5/2003. Theo đó, ông Nguyễn Văn L sẽ được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng từ ngày 01/11/2014 (thời điểm ông Nguyễn Văn L đủ 60 tuổi) với thời gian làm việc có đóng BHXH từ tháng 5/1973 đến tháng 10/2001 là 28 năm 3 tháng.

BHXH T tiếp nhận hồ sơ để giải quyết chế độ nghỉ chờ hưu cho ông L (theo nguyện vọng) là đúng qui định tại Điều 28 Điều lệ BHXH ban hành kèm theo Nghị định 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ về việc ban hành điều lệ bảo hiểm xã hội (được sửa đổi bởi khoản 5, Điều 1, Nghị định 01/2003/NĐ-CP ngày 09/01/2003 của Chính phủ "về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ), đúng chức năng, nhiệm vụ được pháp luật qui định.

Ngày 15/7/2005, ông Nguyễn Văn L có đơn xin giám định khả năng lao động gửi BHXH Thành phố. Ngày 26/10/2006 Hội đồng Giám định y khoa Thành phố có Biên bản giám định khả năng lao động số 2203-06/GĐYK-KNLĐ ngày 26/10/2006, trong đó đã kết luận tỷ lệ mất sức lao động của ông L là 68% và đề nghị hưởng trợ cấp BHXH theo chế độ hiện hành.

Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 26 Điều lệ BHXH ban hành kèm theo Nghị định 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ về việc ban hành điều lệ bảo hiểm xã hội và khoản 5.C, Mục IV, Phần B Thông tư số 06/TT-LĐTBXH ngày 04/4/1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều để thực hiện điều lệ bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ, ngày 09/11/2006, BHXH T ban hành Quyết định 6160/QĐ/BHXH-CĐCS về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng của ông Nguyễn Văn L.

Thời gian làm việc được tính là thời gian tham gia BHXH của ông L từ tháng 5/1973 đến tháng 10/2001 là 28 năm 03 tháng. Tháng 11/2001 đến tháng 10/2006, ông L không đóng BHXH, không làm việc nên không được quyền hưởng các chế độ về BHXH theo qui định.

Yêu cầu xác định thời gian công tác liên tục của ông L là 33 năm 05 tháng là không có cơ sở. Yêu cầu Giám đốc BHXH T chi trả 150.000.000 đồng và đóng BHXH cho ông L cũng không đúng pháp luật vì BHXH không có quan hệ lao động với ông L. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[2.1.2.1] Về lương được hưởng:

Quá trình tham gia BHXH của ông Nguyễn Văn L được ghi nhận từ tháng 5/1973 đến tháng 10/2001 (bao gồm cả thời gian được cử đi hợp tác lao động tại Tiệp Khắc) đều thể hiện thuộc khu vực Nhà nước quản lý, theo hệ thống thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định. Theo quy định tại khoản

1, Điều 29 Điều lệ BHXH ban hành kèm theo Nghị định 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ về việc ban hành điều lệ bảo hiểm xã hội: "Người lao động đóng BHXH theo các mức tiền lương tháng trong các hệ thống thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định thì tính bình quân gia quyền các mức tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH trong năm năm cuối trước khi nghỉ hưu".

Thời gian 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu có đóng BHXH của ông Lđược tính từ tháng 11/1996 - 10/2001 được căn cứ vào Bản xác nhận quá trình tham gia BHXH ngày 31/12/2002 của Xí nghiệp in N3 đã được BHXH Thành phố ghi nhận trong phần III.

Theo đó quá trình, diễn biến mức lương đóng BHXH của ông Nguyễn Văn L như sau:...

Tháng 11-12/1996: bảo vệ Xí nghiệp in N3, bậc 8/16, hệ số lương 1.98 ;

Từ tháng 01/1997 - 3/1999: bảo vệ Xí nghiệp in N3, bậc 10/16, hệ số lương 2.16;

Từ 4/1999 - 3/2000: phụ trách Tổ chức — Hành chính Xí nghiệp in N3, bậc 12/16, hệ số lương 2.34;

Từ 4/2000 - 11/2000: Phó phòng Tổ chức Hành chính Xí nghiệp in N3, bậc 12/16: hệ số lương 2.34, phụ cấp 0.15;

Từ 12/2000: Tổ trưởng Tổ bảo vệ Xí nghiệp in N3, bậc 12/16: hệ số lương 2.34;

Từ 01/2001 - 10/2001: Công nhân phân xưởng In offset, Xí nghiệp in N3, hệ số lương 2.34.

Như vậy, ông Nguyễn Văn L yêu cầu Giám đốc BHXH Thành phố tính lương hưu cho ông theo lương bậc 6/6 nghề gỗ giấy (mà ông hưởng trong thời gian đi hợp tác lao động ở Tiệp Khắc năm 1986) và lương thực tế ông hưởng phó phòng năm 1999 là 491,400 đồng/tháng + phụ cấp, vượt khung, tăng lương ... là không có cơ sở.

Theo Bản xác nhận quá trình tham gia BHXH ngày 31/12/2002 của Xí nghiệp in N3 được BHXH T xét duyệt ngày 09/11/2006 đã xác định: Quá trình lương trong khối nhà nước bình quân 55 tháng là 655.838 đồng, chế độ được hưởng:

- Thời gian đóng BHXH tính đến năm 2001 bằng 28 năm 3 tháng.
- Mức tiên lương bình quân đê tính hưởng BHXH: 656.929 đông.
- Tỉ lệ phần % để tính lương hưu hoặc trợ cấp BHXH hàng tháng là 64%.

Tổng lương hưu hàng tháng (đã điều chỉnh theo Nghị định 93/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về "Điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc") là 868.611 đồng.

Quyết định số 6160/QĐ/BHXH-CĐCS đã xác định ông L có tổng thời gian làm việc có đóng BHXH là 28 năm 3 tháng, tỉ lệ % tính lương hưu là 64%, tổng lương hưu hàng tháng là 868.611 đồng, được ban hành đúng qui định pháp luật.

[2.2] Yêu cầu buộc Giám đốc BHXH T ra quyết định điều chỉnh Quyết định 6160/QĐ/BHXH-CĐCS ngày 09/11/2006

Yêu cầu này vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

[2.3] Quyết định số 19315/QĐ-SLĐTBXH-TTS ngày 25/7/2017 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội T.

[2.3.1] Về hình thức, trình tự, thủ tục, thẩm quyền: Quyết định số 19315/QĐ- SLĐTBXH-TTS ngày 25/7/2017 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định tại Luật khiếu nại năm 2011, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và Quyết định số 868/QĐ- BHXH ngày 08/6/2016 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam về "Ban hành qui định về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam"

[2.3.2] Về nội dung:

Quyết định số 6160/QĐ/BHXH-CĐCS ngày 09/11/2006 được ban hành đúng quy định pháp luật.

Quyết định số 93/QĐ-BHXH ngày 19/4/2017 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội T giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Văn L giữ nguyên Quyết định số 6160/QĐ/BHXH-CĐCS ngày 09/11/2006 được ban hành đúng quy định pháp luật.

Quyết định số 19315/QĐ-SLĐTBXH-TTS ngày 25/7/2017 bác khiếu nại của ông L và giữ nguyên Quyết định số 93/QĐ- BHXH ngày 19/4/2017 của Giám đốc BHXH T, được ban hành đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông L kháng cáo không đưa ra tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm: Ông L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 1 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 118, Điều 119, Điều 123 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Điều 14, Điều 15 Luật khiếu nại năm 2011 ;

Căn cứ Nghị định 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ về việc ban hành điều lệ bảo hiểm xã hội;

Căn cứ Thông tư số 06/TT-LĐTBXH ngày 04/4/1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều để thực hiện điều lệ bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ, ngày 09/11/2006;

Căn cứ Điều 27 Qui định về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 868/QĐ-BHXH ngày 08/6/2016 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam về "Ban hành qui định về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam".

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1222/2018/HC-ST ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc:

- Buộc Giám đốc BHXH T chi trả tiền lương, tiền công hàng tháng đối với ông L trong thời gian từ ngày 8/5/2003 đến ngày 26/10/2006 là 41 tháng 03 ngày với tổng số tiền ước tính là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và đóng BHXH theo pháp luật.

- Buộc Giám đốc Bảo hiểm xã hội T phải ban hành Quyết định nghỉ hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động 68% ghi ngày 26/10/2016 đúng với số năm ông Nguyễn Văn L tham gia công việc liên tục là 33 năm 05 tháng + tiền lương hàng tháng giao kết hợp đồng lao động là 491.400 đồng + phụ cấp nghề gỗ giấy bậc 6/6 + vượt khung năm 1984 đến năm 2006 hệ số ước tính là 5,2.

- Hủy Quyết định số 19315/QĐ-SLĐTBXH-TTS ngày 25/7/2017 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội T.

2. *Về án phí hành chính sơ thẩm:* Ông L được miễn án phí.

Hoàn trả cho ông L số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0047858 ngày

04/7/2017 và số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/20017/0047859 ngày 04/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Về án phí hành chính phúc thẩm:* Ông Nguyễn Văn L được miễn án phí.

Hoàn trả cho ông L số tiền 300.000 đồng ông L đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0049752 ngày 24/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM(1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM(1);
- TAND TP.HCM(1);
- VKSND TP.HCM(1);
- Cục THADS TP.HCM(1);
- NKK(1);
- NBK(2);
- NLQ (1)
- Lưu HS (1), VP (2) (14b) THUY.

TM.HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương